

**ĐIỂM THI**

Lớp: Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính khóa 18

Môn: Phần II - Các kỹ năng

Ngày thi: 14/10/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Ngô Tuấn Anh	7,40	Bảy phẩy bốn	21	Nguyễn Thị Tuyết Nga	9,60	Chín phẩy sáu
2	Nguyễn Ngọc Anh	8,60	Tám phẩy sáu	22	Trần Thị Nguyên	6,40	Sáu phẩy bốn
3	Nguyễn Thị Ngọc Anh	5,00	Năm	23	Triệu Kim Oanh	7,20	Bảy phẩy hai
4	Đàm Thế Cảnh	5,20	Năm phẩy hai	24	Lương Kim Oanh	6,00	Sáu
5	Nông Văn Cường	7,40	Bảy phẩy bốn	25	Dương Lưu Phương	7,00	Bảy
6	Nguyễn Văn Chánh	6,00	Sáu	26	Hà Thị Tắm	7,50	Bảy phẩy năm
7	Phan Kim Dung	6,00	Sáu	27	Nguyễn Ánh Tiếp	5,60	Năm phẩy sáu
8	Phan Mạnh Hà	7,80	Bảy phẩy tám	28	Nguyễn Thị Tuyết	8,20	Tám phẩy hai
9	Trương Tô Hằng	9,20	Chín phẩy hai	29	Đàm Thị Tuyết	6,00	Sáu
10	Phương Mai Hoa	6,40	Sáu phẩy bốn	30	Lê Quang Thanh	9,80	Chín phẩy tám
11	Đàm Văn Hòa	7,00	Bảy	31	Lý Chàn Thông	7,60	Bảy phẩy sáu
12	Nông Quang Hoài	6,80	Sáu phẩy tám	32	Nông Thị Minh Thu	7,50	Bảy phẩy năm
13	Vũ Minh Hoàng	6,80	Sáu phẩy tám	33	La Việt Thùy	5,40	Năm phẩy bốn
14	Mã Đình Huân	8,00	Tám	34	Bế Thị Thủy	7,80	Bảy phẩy tám
15	Nông Thị Minh Huệ	5,80	Năm phẩy tám	35	Nông Thu Thủy	6,20	Sáu phẩy hai
16	Lương Thị Huyền	5,60	Năm phẩy sáu	36	Mã Thị Thu	5,60	Năm phẩy sáu
17	Phạm Thị Thu Hương	8,00	Tám	37	Bàn Thị Thương	7,40	Bảy phẩy bốn
18	Vi Thị Hường	5,60	Năm phẩy sáu	38	Triệu Thị Thương	6,60	Sáu phẩy sáu

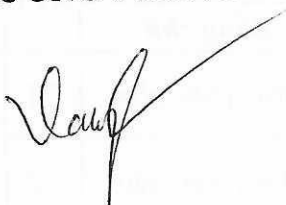
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
19	Hoàng Linh Lan	6,20	Sáu phẩy hai	39	Lô Thị Mùi Trang	5,40	Năm phẩy bốn
20	Hứa Thị Phương Liên	7,20	Bảy phẩy hai	40	Đặng Văn Vỹ	6,00	Sáu

**GHI ĐIỂM**



**Triệu Văn Lượng**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thúy**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trịnh Thị Ánh Hoa**